

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 188/2024/KDTM- PT.

Ngày 23/7/2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Bùi Đức Bằng và bà Dương Tuyết Mai.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Khiêm- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Đinh Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 293/2023/KTPT ngày 19/12/2023 về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 98/2023/KDTM- ST ngày 30/8/2023 và 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2024/QĐXX-PT ngày 03/7/2024, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH B**

Trụ sở: số C, tỉnh lộ 835, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thu H, Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: anh Trương Minh Cát N (địa chỉ tại C, tầng F, Tòa nhà R, 1 B, phường F, quận D, TP Hồ Chí Minh) và anh Trần Đình T (địa chỉ tại 19.12 A1, C, phường T, TP T, TP Hồ Chí Minh). Anh N, anh T có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Tổng công ty cổ phần B1 (V)**

Trụ sở: tầng 10, 11, tòa nhà A phố Đ, quận B, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Bùi Thị Thanh X, Phó tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: chị Trần Thị Hồng N1, Giám đốc Ban pháp chế, anh Trần Trí C, Trưởng phòng tài sản, kỹ thuật, anh Bùi Xuân Q, Chuyên viên phòng tài sản, kỹ thuật, chị Nguyễn Thanh H1, Chuyên viên Ban pháp chế. Chị N1, chị H1 và anh Q có mặt tại phiên tòa, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 19/10/2022, Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là nguyên đơn) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm đối với bị đơn là Tổng công ty cổ phần B1 (sau đây viết tắt là bị đơn). Nguyên đơn trình bày nội dung vụ việc:

Vào ngày 28/3/2016, nguyên đơn và Công ty B2- Chi nhánh S (một chi nhánh của bị đơn) ký Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số 005.KD2A.HD.TS12.16.00551 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng bảo hiểm số 005). Gồm các thỏa thuận như sau:

Đối tượng bảo hiểm:

TT	Nội dung	Số tiền bảo hiểm (VNĐ)
1	Nhà xưởng	13.377.591.686
2	Máy móc thiết bị	12.074.323.996
3	Phương tiện truyền dẫn	3.002.024.545
4	Hàng hóa, nguyên liệu	30.000.000.000

(Danh mục chi tiết về các tài sản được bảo hiểm và số tiền bảo hiểm của từng tài sản được liệt kê trong bảng kê danh mục tài sản đính kèm với Hợp đồng bảo hiểm).

- Tổng số tiền bảo hiểm: 58.453.940.227 đồng;
- Thời hạn bảo hiểm: từ 16 giờ ngày 30/3/2016 đến 16 giờ ngày 30/3/2017;
- Địa điểm được bảo hiểm: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An;
- Phí bảo hiểm: 77.159.201 đồng;
- Điều kiện bảo hiểm: tuân thủ quy tắc bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ- VBI6 ngày 20/8/2014 của bị đơn.

Vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 07/5/2016, tại bên trong xưởng sản xuất của nguyên đơn, địa chỉ tại số C, tỉnh lộ 835, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An đã xảy ra chập điện dẫn đến hỏa hoạn và thiêu rụi toàn bộ nhà xưởng gồm: khung nhà xưởng, máy móc thiết bị và hàng hóa ...

Nguyên đơn đã liên hệ và thông báo đến bị đơn ngay khi hỏa hoạn được dập tắt. Sau đó, bị đơn cử đơn vị giám định là Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là "Raco") đến nơi xảy ra hỏa hoạn để giám định nguyên nhân và mức độ tổn thất của vụ việc. Nguyên đơn đã cung cấp toàn bộ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa, tài sản tại nơi xảy ra tổn thất cho Raco, ngoại trừ những tài liệu bị cháy trong vụ hỏa hoạn thì không thể cung cấp.

Sau quá trình làm việc đánh giá thiệt hại, các bên đã thống nhất được phân thiệt hại về nhà xưởng, máy móc thiết bị và hệ thống đường truyền dẫn. Phần thiệt hại này bị đơn đã thanh toán bồi thường cho nguyên đơn.

Riêng phần hàng hóa, nguyên vật liệu, các bên không thống nhất được mức độ tổn thất, nên phát sinh tranh chấp.

Ngày 09/9/2022, bị đơn có văn bản thông báo giải quyết bồi thường gửi đến nguyên đơn. Theo đó, bị đơn chỉ chấp nhận chi trả bảo hiểm cho hạng mục hàng hóa, nguyên liệu của nguyên đơn số tiền là 3.054.765.657 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý với quyết định chi trả bảo hiểm này của bị đơn, bởi lẽ về hạng mục hàng hóa, nguyên vật liệu, nguyên đơn có thống kê tài sản bị thiệt hại và giá trị hàng hóa, nguyên vật liệu bị thiệt hại theo các hóa đơn, chứng từ tài liệu thu thập được, tính toán tổn thất lại cho hạng mục này với tổng số tiền thiệt hại về hàng hóa, nguyên vật liệu của nguyên đơn là 21.372.688.915 đồng.

Bị đơn đã vi phạm về thời gian giải quyết bồi thường bảo hiểm, gây thiệt hại cho nguyên đơn.

Tại Hợp đồng bảo hiểm số 005, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường ghi tại Điều 7.1 Hợp đồng bảo hiểm, trừ các hóa đơn chứng từ hàng hóa đã bị cháy hết trong vụ cháy. Việc này, bị đơn và R đã biết rõ ngay từ ngày tiếp cận hiện trường vụ hỏa hoạn. Tuy nhiên, R vẫn yêu cầu nguyên đơn phải tiến hành thu thập tài liệu hóa đơn đầu ra, đầu vào để chứng minh thiệt hại. Việc này làm mất rất nhiều thời gian, công sức của nguyên đơn nhưng bị đơn không sử dụng các thông tin thu thập tài liệu này để tính toán tổn thất. Gây thiệt hại nặng nề cho nguyên đơn.

Theo nguyên đơn, bị đơn có quyền ra văn bản từ chối chi trả bảo hiểm khi xét thấy hồ sơ không đủ cơ sở giải quyết bồi thường. Tuy nhiên, bị đơn đã không từ chối giải quyết, dẫn đến việc giải quyết kéo dài, gây thiệt hại cho nguyên đơn.

Cụ thể, tiền lãi chậm trả tính từ ngày xảy ra tổn thất đến thời điểm giải quyết dứt điểm vụ tranh chấp ở cấp phúc thẩm.

Nguyên đơn yêu cầu:

Buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền là 39.539.474.493 đồng, trong đó:

- Tiền thiệt hại hàng hóa, nguyên vật liệu: 21.372.688.915 đồng;
- Lãi chậm trả tính từ ngày xảy ra tổn thất đến thời điểm kết thúc vụ án, tạm tính là 85 tháng = 21.372.688.915 đồng x 1%/tháng x 85 tháng = 18.166.785.578 đồng.

Bị đơn do bà **Trần Thị Hồng NI** là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/3/2016, nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng bảo hiểm số 005, thông tin về hợp đồng bảo hiểm đúng như nguyên đơn đã trình bày ở trên.

Vào 11 giờ 20 phút ngày 07/5/2016, nhà xưởng của bị đơn bị tổn thất do hỏa hoạn. Nguyên nhân được Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L** xác định tại Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 09 ngày 14/6/2016 là do sự cố chập điện xảy ra trên đường dây dẫn điện của hệ thống đèn chiếu sáng lắp đặt trên trần nhà kho của gian thứ 2 và thứ 3 và không có sự việc phạm tội xảy ra.

Ngay sau khi nhận được thông báo tổn thất từ phía nguyên đơn, ngày 07/5/2016 bị đơn và nguyên đơn đã có Giấy yêu cầu giám định chỉ định Raco là đơn vị tiến hành giám định tổn thất vụ việc này theo Hợp đồng bảo hiểm số 005.

Dựa vào các Báo cáo giám định về vụ việc nêu trên của **R**, bị đơn đã tiến hành bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn theo các lần như sau:

- Lần 1: thông báo tạm ứng bồi thường (lần 1) ngày 24/11/2016 với tạm ứng bồi thường số tiền lần 1 là 1.303.113.979 đồng. Nguyên đơn đã chấp thuận số tiền tạm ứng bồi thường này bằng Thư chấp thuận tạm ứng bồi thường (lần 1) ngày 25/11/2016;

- Lần 2: thông báo bồi thường (lần 2) ngày 02/8/2018 với số tiền bồi thường lần 2 đối với nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn là 3.213.322.517 đồng. Nguyên đơn cũng đã chấp thuận thông qua nội dung của **T1** chấp thuận bồi thường (lần 2) của nguyên đơn gửi bị đơn ngày 03/8/2018.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần bị đơn đã thực hiện thanh toán bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn là 4.516.436.496 đồng đối với các hạng mục: nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn.

Đối với tổn thất về hàng hóa, nguyên liệu, **R** và bị đơn cũng đã có gửi các Công văn, **E** yêu cầu nguyên đơn cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hạng mục hàng hóa nguyên liệu từ thời điểm xảy ra tổn thất năm 2016 nhưng nguyên đơn không cung cấp được đầy đủ các tài liệu này. Đến ngày 17/12/2020, nguyên đơn mới gửi Công văn số 01-12/CV-SP gửi Raco và nêu các hồ sơ kế toán chứng minh giá trị hàng hóa (phiếu nhập kho, xuất kho, biên bản kiểm kê hàng tồn kho, sổ sách chứng từ kế toán) không cung cấp được do bị cháy. Căn cứ vào các hồ sơ nguyên đơn cung cấp theo Biên bản bàn giao hồ sơ ngày 26/01/2022 do ông **Trương Minh Cát N** (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) cung cấp, ngày 03/8/2022 **R** đã phát hành bản Báo cáo cuối cùng tính toán và xác định giá trị nguyên liệu bị cháy, trên cơ sở đó xác định giá trị tổn thất được bảo hiểm đối với hạng mục hàng hóa nguyên liệu (sau khi trừ mức miễn thường 10% giá trị tổn thất) là 3.054.765.657 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm số 005 và toàn bộ các thông tin, tài liệu liên quan đến tổn thất do nguyên đơn cung cấp và Báo cáo giám định của **R**, bị đơn đã ra Thông báo bồi thường ngày 09/9/2022 gửi cho nguyên đơn thông báo về tổng số tiền bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn đối với vụ cháy xảy ra ngày 07/5/2016 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng số tiền bồi thường.	7.571.202.153
2	Tiền bồi thường đã thanh toán (hạng mục nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn).	4.516.436.496
3	Số tiền bồi thường còn lại (hạng mục hàng hóa, nguyên liệu).	3.054.765.657

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy yêu cầu bảo hiểm do đại diện của nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Thu H** (là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn) ký vào ngày 28/3/2016, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bảo hiểm cho hàng hóa, nguyên liệu, không yêu cầu bảo hiểm cho hàng hóa bán thành phẩm và hàng hóa thành phẩm. Tại Hợp đồng bảo hiểm số 005, đối tượng được bảo hiểm các bên thống nhất, thỏa thuận và ghi nhận trong hợp đồng là hàng hóa nguyên liệu, không bảo hiểm cho hàng hóa bán thành phẩm và hàng hóa thành phẩm. Do đó, tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 và các tài liệu kèm theo, nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bồi thường đối với “hàng hóa, nguyên vật liệu”, trong đó yêu cầu bồi thường đối với

nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm là không đúng đối tượng được bảo hiểm căn cứ vào Giấy yêu cầu bảo hiểm do bên mua bảo hiểm ký và Hợp đồng bảo hiểm số 005 đã ký giữa các bên.

Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường 21.372.688.975 đồng đối với thiệt hại hàng hóa, nguyên vật liệu là không có căn cứ, cụ thể như sau:

Như đã đề cập nêu trên, hạng mục bị tổn thất là đối tượng được bảo hiểm, được xem xét bồi thường bảo hiểm theo đúng Hợp đồng bảo hiểm số 005 giữa các bên chỉ là nguyên liệu, không bao gồm hàng hóa thành phẩm và bán thành phẩm.

Về căn cứ tính toán của nguyên đơn, theo các bảng tổng hợp xuất nhập tồn nguyên vật liệu, bán thành phẩm và tổng hợp xuất nhập tồn thành phẩm gửi kèm theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022, nguyên đơn tự đưa ra giá trị hàng hóa tồn kho ngày 07/5/2016 là 46.368.400.083 đồng, sau đó trừ đi số lượng kiểm đếm không bị tổn thất để tính toán ra giá trị hàng tồn thất. Nguyên đơn không gửi số thuyết minh tính toán hay các số liệu tính toán chi tiết, do đó bị đơn không rõ giá trị tồn kho 46.368.400.083 đồng mà nguyên đơn gửi khởi kiện được tính toán xác định trên cơ sở nào.

Trước thời điểm khởi kiện, nguyên đơn đã từng cung cấp 02 phiên bản Báo cáo nhập xuất tồn kho chi tiết cho bị đơn và **R**, với hai số liệu tồn kho khác nhau, cụ thể: lần 1 cung cấp bản cứng vào tháng 4/2020, giá trị tồn kho ngày 07/5/2016 là 46.873.405.939 đồng và lần 2 cung cấp file excel vào tháng 1/2021, giá trị tồn kho ngày 07/5/2016 là 46.368.400.083 đồng.

Như đã đề cập ở trên, ngày 17/12/2020 nguyên đơn đã có Văn bản số 01-12/CVSP khẳng định không cung cấp được tất cả các phiếu nhập kho chi tiết, xuất kho chi tiết trong các công đoạn sản xuất của Công ty, các biên bản kiểm kê hàng tồn kho, sổ sách chứng từ kế toán do các tài liệu này đã bị cháy. Tuy nhiên, bằng cách nào đó, nguyên đơn sau đó đã tự xây dựng lại bảng nhập xuất tồn từ ngày 01/01/2016 để xác định giá trị tồn kho ngày 07/5/2016 để cung cấp cho bị đơn và **R** với hai phiên bản, hai giá trị tồn kho khác nhau như đã nêu ở trên. Qua xem xét các phiên bản Báo cáo nhập xuất tồn kho chi tiết nhận được từ nguyên đơn, bị đơn nhận thấy các số liệu (về số lượng hàng hóa nhập kho, sản lượng thành phẩm, bán thành phẩm sản xuất được trong kỳ, định mức sản xuất, số lượng hàng đang gửi gia công ngoài, tỷ lệ phế phẩm ...) mà nguyên đơn đưa ra hoàn toàn là giả định, không có căn cứ. Đồng thời, với cách tính tồn kho của nguyên đơn, tỷ lệ giá vốn/doanh thu chỉ chiếm khoảng 72% (tương đương tỷ suất lợi nhuận gộp là khoảng 28%), khác biệt rất lớn so với tỷ lệ giá vốn/doanh thu 94,03% (tương

đương tỷ suất lợi nhuận gộp 5,97%) đã được thể hiện trên các báo cáo tài chính trung bình các năm 2013, 2014 và 2015 mà nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn và đơn vị giám định trước đó.

- Về căn cứ tính toán của **R** và bị đơn: Raco đã tính toán lại giá trị tồn kho của nguyên đơn ngày 07/5/2016 dựa trên các tài liệu do chính nguyên đơn cung cấp, đồng thời các tài liệu này là các chứng từ hợp pháp được cơ quan nhà nước thừa nhận, bao gồm:

- Các hóa đơn mua hàng trong nước (hạng mục nguyên liệu và hạng mục dịch vụ), hóa đơn bán ra; Tờ khai thuế GTGT hàng tháng từ tháng 01 đến tháng 05/2016 mà nguyên đơn đã kê khai với cơ quan thuế;

- Các Tờ khai hải quan chi tiết nhập khẩu đầu vào từ 01/01/2016 đến 07/5/2016;

- Các Tờ khai hải quan xuất khẩu sau sản xuất từ 01/01/2016 đến 07/5/2016;

- Các báo cáo tài chính năm 2013, 2014 và 2015 thể hiện tỷ suất lợi nhuận gộp bình quân là khoảng 5,97%.

(Chi tiết tính toán theo các Báo cáo giám định có thuyết minh đầy đủ, chi tiết của **R**).

Do đó, các số liệu mà nguyên đơn đưa ra để tính toán con số tổn thất để yêu cầu bồi thường 21.372.688.915 đồng là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý.

Về số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường 18.166.785.578 đồng là tiền lãi chậm trả tính từ ngày xảy ra tổn thất đến thời điểm kết thúc vụ việc:

Cũng giống như nội dung yêu cầu về số tiền thiệt hại, yêu cầu bồi thường này là hoàn toàn không có căn cứ, cụ thể như sau:

- Theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng bảo hiểm số 005 thì hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm mà nguyên đơn phải cung cấp cho bị đơn bao gồm “bảng kê khai thiệt hại và các giấy tờ chứng minh tổn thất”, đây cũng chính là nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 9.1.(f) Hợp đồng bảo hiểm số 005.

- Trên thực tế, ngay sau khi được chỉ định, ngày 16/5/2016 **R** đã văn bản số 223/05/2016/CV- Raco hướng dẫn yêu cầu nguyên đơn cung cấp các hồ sơ chứng từ để làm cơ sở cho **R** tính toán tổn thất. Tuy nhiên, đối với các tài liệu, hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc chứng minh tổn thất đối với hàng hóa nguyên liệu được nguyên đơn cung cấp thành nhiều lần và nhiều thời điểm khác nhau. Ngày 27/01/2022, đại diện **R** và đại diện của nguyên đơn là ông **Trương Minh Cát N** đã thực hiện cung cấp và ký Biên bản bàn giao hồ sơ và được xác nhận là toàn

bộ hồ sơ đầy đủ (mà nguyên đơn có thể cung cấp được) liên quan đến tổn thất, tài liệu được nguyên đơn cung cấp cho R. Trên cơ sở đó, R đã rà soát lại tất cả các tài liệu này so với các tài liệu nguyên đơn đã cung cấp rải rác trước đó, đánh giá giá trị pháp lý của các tài liệu và gửi bảng tính toán giá trị tổn thất hàng hóa nguyên liệu (kèm theo thuyết minh tính toán) vào ngày 23/02/2022 để các bên cùng xem xét thống nhất. Trong thời gian tiếp theo, nguyên đơn và Công ty cổ phần D (gọi tắt là TILA là đơn vị đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Trương Minh Cát N làm giám đốc), một mặt cho biết không đồng ý với số liệu tính toán của R, mặt khác không cung cấp bổ sung thêm bất cứ hồ sơ chứng từ nào. Do đó, ngày 03/8/2022 R đã phát hành Báo cáo giám định cuối cùng xác định mức độ tổn thất của hàng hóa nguyên liệu. Trong suốt thời gian từ ngày ký Biên bản bàn giao hồ sơ (ngày 27/01/2022) đến thời điểm ra báo cáo cuối cùng, giữa đại diện nguyên đơn và R luôn có sự đánh giá, trao đổi thông tin liên quan đến việc tính toán và xác định giá trị tổn thất. Do nguyên đơn và TILA không thống nhất với số liệu tính toán bồi thường tổn thất hàng hóa nguyên liệu gửi ngày 23/2/2022 của R, nên bị đơn đã không thể tiến hành nghĩa vụ thanh toán bồi thường.

Như vậy, tổn thất xảy ra từ ngày 07/5/2016 và đến thời điểm ngày 09/9/2022 khi bị đơn ra thông báo bồi thường đối với phần bảo hiểm hàng hóa nguyên liệu liên quan phụ thuộc trực tiếp đến việc cung cấp tài liệu để chứng minh mức thiệt hại của nguyên đơn cho bị đơn và R, hoàn toàn không có việc chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường của bị đơn.

Theo đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường số lãi chậm trả tính từ ngày xảy ra tổn thất đến thời điểm kết thúc vụ án, tạm tính là 85 tháng 18.166.785.578 đồng là không có căn cứ.

Bằng văn bản này, bị đơn xin khẳng định việc bị đơn giải quyết, tính toán số tiền bồi thường bảo hiểm đối với nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng từ được cơ quan nhà nước thừa nhận là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Hợp đồng bảo hiểm số 005, quy định của pháp luật Việt Nam. Do đó, căn cứ trên hồ sơ, tài liệu của vụ việc, bị đơn đề nghị Tòa án xem xét:

- Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường bảo hiểm của nguyên đơn với số tiền là 3.054.765.657 đồng theo Báo cáo giám định cuối cùng của đơn vị giám định độc lập Raco và thông báo bồi thường ngày 09/9/2022 của bị đơn;

- Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện khác của nguyên đơn.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền thiệt hại theo như kết quả thẩm định giá của Công ty CP GI là 18.081.518.000 đồng và tiền lãi chậm trả (12%/năm) tính từ ngày xảy ra tổn thất đến ngày xét xử sơ thẩm (từ 07/5/2016 đến 30/8/2023) là 16.098.578.000 đồng bởi tổn thất của nguyên đơn là hàng hóa bao gồm: thành phẩm, bán thành phẩm và nguyên liệu chứ không phải chỉ là “hàng hóa nguyên liệu” như bị đơn đang cố tình hiểu sai.

Bị đơn đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.054.765.657 đồng là số tiền theo Kết luận giám định của R đối với hàng hóa nguyên liệu vì bị đơn chỉ bảo hiểm cho “hàng hóa nguyên liệu”, khi ký kết hợp đồng nguyên đơn cũng đề nghị đối tượng bảo hiểm là “hàng hóa nguyên liệu”, trong danh mục tài sản được bảo hiểm cũng ghi rất rõ là “hàng hóa nguyên liệu” nên việc nguyên đơn khởi kiện ra Tòa yêu cầu bồi thường thiệt hại cho “hàng hóa” gồm thành phẩm, bán thành phẩm và nguyên liệu thì bị đơn không đồng ý.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 98/2023/KDTM- ST ngày 30/8/2023 và 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm số 005 đối với bị đơn;
2. Buộc bị đơn chi trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 28.295.556.695 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 98/2023/KDTM- ST ngày 30/8/2023 và ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án:

Tòa án đã làm việc với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn, cả hai bên đều nhất trí với nội dung của Hợp đồng bảo hiểm số 005 và không có tranh chấp về nội dung hợp đồng. Bị đơn nhất trí bồi thường đối với thiệt hại về hàng hóa nguyên liệu của nguyên đơn theo đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm số 005.

Trong vụ án nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau về hai nội dung chính:

- Hàng hóa nguyên liệu gồm những gì và giá trị của hàng hóa nguyên liệu bị thiệt hại là cơ sở để bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm số 005;

- Thời điểm thanh toán tiền bảo hiểm để làm căn cứ tính lãi chậm bồi thường tiền bảo hiểm.

Cả hai bên nhất trí đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trung cầu giám định lại tài sản thiệt hại làm căn cứ cho việc bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, cả hai bên không thống nhất được việc chỉ định đơn vị giám định và đề nghị Tòa án chỉ định đơn vị giám định độc lập giám định thiệt hại về hàng hóa. Ngày 15/01/2024, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã ra Quyết định trung cầu giám định và chỉ định Công ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là C1) là đơn vị giám định lại theo quy định tại Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 53 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

Ngày 01/7/2024, C1 đã có Báo cáo giám định cuối cùng và tính toán giá trị hàng hóa tổn thất là 6.196.555.575 đồng trong đó nguyên liệu là 5.716.368.056 đồng, hàng hóa bán thành phẩm là 99.782.096 đồng và hàng hóa thành phẩm là 380.405.423 đồng.

Choice đề xuất giá trị bồi thường bảo hiểm đối với hạng mục hàng hóa nguyên liệu theo Hợp đồng bảo hiểm số 005 sau khi trừ mức miễn thường 10% giá trị tổn thất là 5.144.731.250 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo trình bày:

Sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, cả nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất chỉ định R là đơn vị giám định độc lập để giám định thiệt hại. Dựa trên hồ sơ, tài liệu của nguyên đơn cung cấp Raco đã ban hành các báo cáo giám định và dựa vào các báo cáo giám định này bị đơn đã bồi thường cho nguyên đơn hai lần cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 24/11/2016 bồi thường tạm ứng số tiền là 1.303.113.979 đồng. Nguyên đơn đã chấp thuận số tiền tạm ứng bồi thường này bằng Thư chấp thuận tạm ứng bồi thường ngày 25/11/2016;

- Lần 2: ngày 02/8/2018 với số tiền bồi thường đối với nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn là 3.213.322.517 đồng. Nguyên đơn cũng đã chấp thuận thông qua nội dung của T1 chấp thuận bồi thường ngày 03/8/2018.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần bị đơn đã thực hiện thanh toán bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn là 4.516.436.496 đồng.

Đối với tổn thất về hàng hóa nguyên liệu, **R** và bị đơn cũng đã có gửi các Công văn, **E** yêu cầu nguyên đơn cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hạng mục hàng hóa nguyên liệu từ thời điểm xảy ra tổn thất năm 2016 nhưng nguyên đơn không cung cấp được đầy đủ các tài liệu này. Đến ngày 17/12/2020, nguyên đơn mới gửi Công văn số 01-12/CV-SP gửi Raco và nêu các hồ sơ kế toán chứng minh giá trị hàng hóa (phiếu nhập kho, xuất kho, biên bản kiểm kê hàng tồn kho, sổ sách chứng từ kế toán) không cung cấp được do bị cháy. Sau đó, bị đơn, **R** đã mời nguyên đơn tham gia cuộc họp trao đổi làm rõ nội dung về việc trường hợp không có các tài liệu liên quan đến phiếu nhập kho, xuất kho, sổ sách hóa đơn, chứng từ kế toán tính đến thời điểm tổn thất thì **R** sẽ không có cơ sở để tính toán được số liệu của tổn thất đối với phần hàng hóa nguyên liệu. Bị đơn và **R** đã hướng dẫn nguyên đơn thu thập lại các hóa đơn, chứng từ từ các nhà cung cấp, các cơ quan chức năng (cơ quan hải quan, thuế). Căn cứ vào các hồ sơ nguyên đơn cung cấp theo Biên bản bàn giao hồ sơ ngày 27/01/2022, ngày 03/8/2022 **R** đã phát hành bản Báo cáo cuối cùng tính toán và xác định giá trị nguyên liệu bị cháy, trên cơ sở đó xác định giá trị tổn thất được bảo hiểm đối với hạng mục hàng hóa nguyên liệu (sau khi trừ mức miễn thường 10% giá trị tổn thất) là 3.054.765.657 đồng.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nguyên đơn làm đơn đề nghị Tòa án giám định lại thiệt hại về hàng hóa nguyên liệu vì nguyên đơn không nhất trí với Báo cáo giám định của **R**. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm ra quyết định trưng cầu thẩm định giá mặc dù không có sự nhất trí của cả nguyên đơn và bị đơn là vi phạm Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự và vi phạm Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 dẫn đến việc tính toán số liệu sai, gây thiệt hại nghiêm trọng cho bị đơn. Trong trường hợp này Tòa án phải ra quyết định trưng cầu giám định lại mới đúng quy định của pháp luật.

Về thời điểm tính lãi, Tòa án sơ thẩm tính từ ngày làm việc thứ 16 sau ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm và buộc bị đơn phải chịu lãi là không đúng với thỏa thuận của cả hai bên tại Điều 7 Hợp đồng bảo hiểm số 005 là 15 ngày làm việc kể từ ngày bị đơn nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Thỏa thuận này của hai bên phù hợp với quy định tại Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

Bị đơn cho rằng ngày 27/01/2022, nguyên đơn mới cung cấp được đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho **R** để làm cơ sở giám định thì thời hạn tính lãi phải là 15 ngày

làm việc kể từ ngày 28/01/2022. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện quyền từ chối bồi thường để nguyên đơn khởi kiện sớm là do lỗi của nguyên đơn, nên phải tính lãi sau 15 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm là không chính xác bản thân bị đơn đã bồi thường cho nguyên đơn hai lần vào năm 2016 và 2018 sau khi nguyên đơn cung cấp được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ tương ứng với các hạng mục được bồi thường cho **R** và bản thân nguyên đơn cũng đã đồng ý và nhận bồi thường đối với nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kết quả giám định lại của **C1**, đây là kết quả giám định cuối cùng do Tòa án trung cầu giám định theo quy định tại Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 53 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền thiệt hại cho nguyên đơn theo như kết quả thẩm định giá của **Công ty CP G1** (sau đây gọi tắt là **Công ty G1**) là 18.081.518.000 đồng và tiền lãi chậm trả (10%/năm) tính từ ngày làm việc thứ 16 kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm (ngày 30/5/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2023) là 11.798.190.495 đồng, bởi tổn thất của nguyên đơn là hàng hóa bao gồm: thành phẩm, bán thành phẩm và nguyên liệu chứ không phải chỉ là “hàng hóa nguyên liệu” như bị đơn đang cố tình hiểu sai.

Nguyên đơn cho rằng cách tính toán thiệt hại của cả **R** và **C1** đều chưa đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như cách tính toán số liệu về thẩm định giá vì khi xảy ra vụ hỏa hoạn, tất cả hàng hóa, giấy tờ, tài liệu của nguyên đơn đều bị cháy nên xác định thiệt hại rất khó khăn và không chính xác. Raco hướng dẫn cho nguyên đơn đi thu thập tài liệu, chứng cứ rất mất thời gian, khó khăn nên ngày 27/01/2022 nguyên đơn mới cung cấp được các tài liệu, hồ sơ cho **R**. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy

phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Bản án sơ thẩm căn cứ vào Báo cáo thẩm định giá để quyết định bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 18.081.518.000 đồng là không phù hợp với quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm. Tòa án phúc thẩm trưng cầu giám định lại là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kết quả giám định của T2 thiệt hại là 5.144.731.250 đồng.

Về lãi chậm trả đề nghị Hội đồng xét xử tính từ ngày 30/5/2016 đến ngày 30/8/2023 của số tiền 5.144.731.250 đồng với mức lãi suất là 10%/năm.

Do sửa Bản án sơ thẩm nên sửa lại án phí sơ thẩm và bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa nguyên đơn, bị đơn đều là các doanh nghiệp nên là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại quận B nên Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

Ngày 28/3/2016, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng bảo hiểm số 005, gồm các thỏa thuận như sau:

Đối tượng bảo hiểm:

TT	Nội dung	Số tiền bảo hiểm (VNĐ)
1	Nhà xưởng	13.377.591.686

2	Máy móc thiết bị	12.074.323.996
3	Phương tiện truyền dẫn	3.002.024.545
4	Hàng hóa, nguyên liệu	30.000.000.000

(Danh mục chi tiết về các tài sản được bảo hiểm và số tiền bảo hiểm của từng tài sản được liệt kê trong bảng kê danh mục tài sản đính kèm với Hợp đồng bảo hiểm).

- Tổng số tiền bảo hiểm: 58.453.940.227 đồng;
- Thời hạn bảo hiểm: từ 16 giờ ngày 30/3/2016 đến 16 giờ ngày 30/3/2017;
- Địa điểm được bảo hiểm: **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An**;
- Phí bảo hiểm: 77.159.201 đồng;
- Điều kiện bảo hiểm: tuân thủ quy tắc bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ- VBI6 ngày 20/8/2014 của bị đơn.

Vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 07/5/2016, tại bên trong xưởng sản xuất của nguyên đơn, địa chỉ tại **số C, tỉnh lộ 835, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An** đã xảy ra chập điện dẫn đến hỏa hoạn và cháy nhà xưởng gồm: khung nhà xưởng, máy móc thiết bị và hàng hóa ...

Ngay sau khi xảy ra vụ hỏa hoạn, ngày 07/5/2016 bị đơn và nguyên đơn đã có Giấy yêu cầu giám định chỉ định Raco là đơn vị tiến hành giám định tổn thất vụ việc này theo Hợp đồng bảo hiểm số 005.

Dựa vào các Báo cáo giám định về vụ việc nêu trên của **R**, bị đơn đã tiến hành bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn theo các lần như sau:

- Lần 1: ngày 24/11/2016 với tạm ứng bồi thường số tiền là 1.303.113.979 đồng. Nguyên đơn đã chấp thuận số tiền tạm ứng chi phí bồi thường này bằng Thư chấp thuận tạm ứng bồi thường ngày 25/11/2016;

- Lần 2: ngày 02/8/2018 với số tiền bồi thường đối với nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn là 3.213.322.517 đồng. Nguyên đơn cũng đã chấp thuận thông qua nội dung của **T1** chấp thuận bồi thường gửi bị đơn ngày 03/8/2018.

Như vậy, tổng số tiền 02 lần bị đơn đã thực hiện thanh toán bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn là 4.516.436.496 đồng đối với các hạng mục: nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn.

Đối với phần hàng hóa nguyên liệu thiệt hại theo Raco kết luận 3.394.184.063 đồng. Raco không tính hàng hóa thành phẩm và bán thành phẩm vì trong Hợp đồng bảo hiểm số 005 chỉ bảo hiểm hàng hóa nguyên liệu. Nguyên đơn không đồng ý với Báo cáo giám định về phần này. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận giá trị bồi thường bảo hiểm theo Báo cáo thẩm định giá của Công ty G1.

Hiện nay hai bên đều nhất trí với nội dung của Hợp đồng bảo hiểm số 005 và không có tranh chấp về nội dung hợp đồng. Bị đơn nhất trí bồi thường đối với thiệt hại về hàng hóa nguyên liệu của nguyên đơn theo đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm số 005.

Trong vụ án nguyên đơn và bị đơn chỉ tranh chấp với nhau về hàng hóa nguyên liệu gồm những gì và giá trị của hàng hóa nguyên liệu bị thiệt hại là cơ sở để bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm số 005 và cơ sở, thời hạn tính lãi chậm bồi thường tiền bảo hiểm. Nguyên đơn không đồng ý với kết quả giám định của R về phần thiệt hại về hàng hóa nguyên liệu.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định, Tòa án sơ thẩm ký hợp đồng thẩm định giá của Công ty G1 khi không được sự đồng ý của bị đơn là vi phạm quy định tại các Điều 95 và 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Đặc biệt là thẩm định giá không phù hợp với quy định tại Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm 2000 và Điều 53 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022. Do đó, Báo cáo thẩm định giá không phải là căn cứ pháp lý để Tòa án dựa vào đó để ra phán quyết nên kháng cáo của bị đơn để nghị sửa Bản án sơ thẩm là có cơ sở pháp luật. Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Cả hai bên nhất trí đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trung cầu giám định lại tài sản thiệt hại làm căn cứ cho việc bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, cả hai bên không thống nhất được việc chỉ định đơn vị giám định độc lập để giám định lại và đề nghị Tòa án chỉ định đơn vị giám định độc lập. Ngày 15/01/2024, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã ra Quyết định trung cầu giám định và chỉ định C1 là đơn vị giám định lại theo quy định tại Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 53 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

Ngày 01/7/2024, C1 đã có Báo cáo giám định và tính toán giá trị hàng hóa tổn thất là 6.196.555.575 đồng trong đó nguyên liệu là 5.716.368.056 đồng, hàng hóa bán thành phẩm là 99.782.096 đồng, hàng hóa thành phẩm là 380.405.423 đồng.

Choice đề xuất giá trị bồi thường bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số 005 là 5.144.731.250 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo kết luận cuối cùng của **C1** tại Báo cáo giám định và tính toán giá trị hàng hóa tổn thất là 6.196.555.575 đồng trong đó nguyên liệu là 5.716.368.056 đồng, hàng hóa bán thành phẩm là 99.782.096 đồng, hàng hóa thành phẩm là 380.405.423 đồng. Theo Hợp đồng bảo hiểm số 005 thì đối tượng tranh chấp trong vụ án này là “hàng hóa nguyên liệu”, do Hợp đồng đang có tranh chấp về các cách hiểu khác nhau giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 24 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022 để giải thích hợp đồng theo hướng có lợi cho nguyên đơn khi bị đơn là bên soạn thảo hợp đồng thì đối tượng được bảo hiểm phải được hiểu là hàng hóa và nguyên liệu. Tức là bao gồm cả nguyên liệu 5.716.368.056 đồng, hàng hóa bán thành phẩm 99.782.096 đồng và hàng hóa thành phẩm 380.405.423 đồng. Như vậy, tổng số tiền hàng hóa nguyên liệu được bảo hiểm trong vụ án này là 6.196.555.575 đồng.

Sau khi khấu trừ mức miễn thường 10% giá trị tổn thất theo Hợp đồng bảo hiểm số 005 thì số tiền nguyên đơn được bồi thường là 5.576.900.018 đồng.

Về số tiền lãi: theo Điều 7 Hợp đồng bảo hiểm số 005 hai bên thỏa thuận là thời hạn bồi thường bảo hiểm là 15 ngày làm việc kể từ thời điểm bị đơn nhận được hồ sơ hợp lệ từ nguyên đơn. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm chấp nhận khoản tiền lãi tính từ ngày 30/5/2016 là chưa phù hợp thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng bảo hiểm số 005 và không phù hợp với quy định tại Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề xác định thời điểm tính lãi và số tiền lãi.

Đối chiếu với quy định tại Điều 7 Hợp đồng bảo hiểm số 005, Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Điều 31 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022, thì khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, bị đơn phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm cho nguyên đơn theo thời hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm là trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, bị đơn phải trả tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật dân sự thì cách tính ngày làm việc chỉ đặt ra trong trường hợp thời gian bằng hoặc ngắn hơn 7 ngày.

Nguyên đơn nộp hồ sơ đầy đủ về thiệt hại hàng hóa cho **R** vào ngày 27/01/2022. Bị đơn phải chịu lãi chậm bồi thường, trả tiền bảo hiểm kể từ ngày 12/2/2022 trên số tiền 5.576.900.018 đồng tính đến ngày 07/9/2023 với lãi suất là

10%/năm. Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 875.496.907 đồng. Tổng cộng là 6.425.396.925 đồng.

Sau ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về tiền chi phí giám định và thẩm định giá theo quy định tại Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 53 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022, thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải chịu các chi phí này. Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 224.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá.

Đối với số tiền chi phí giám định thì sau khi Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định và chỉ định **C1** là đơn vị giám định độc lập, bị đơn đã tạm ứng tiền giám định cho **C1**, bị đơn có trách nhiệm thanh toán phần còn lại cho **C1** theo hợp đồng giám định.

Về án phí, các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 307, 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 1, 3, 12, 15, 21, 29, 40, 46, 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và điều 31, 53 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022;
- Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của **Tổng công ty cổ phần B1**.
2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 98/2023/KDTM- ST ngày 30/8/2023 và 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình như sau:
 - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH B**;
 - Buộc **Tổng công ty cổ phần B1** phải trả cho **Công ty TNHH B** số tiền bảo hiểm là 5.576.900.018 (năm tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm nghìn không trăm mười tám) đồng. Số tiền lãi tính đến ngày 07/9/2023 là 875.496.907

(tám trăm bảy mươi năm triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm linh bảy) đồng. Tổng cộng là 6.425.396.925 (sáu tỷ bốn trăm hai mươi năm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày kế tiếp theo ngày 08/9/2023, bên phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền 6.425.396.925 (sáu tỷ bốn trăm hai mươi năm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng với mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành xong số tiền phải thi hành.

3. Buộc **Tổng công ty cổ phần B1** phải trả cho **Công ty TNHH B** số tiền 224.000.000 (hai trăm hai mươi tư triệu) đồng tiền chi phí thẩm định giá.

4. Về án phí:

a. Án phí sơ thẩm:

- **Tổng công ty cổ phần B3** chịu 114.452.397 (một trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- **Công ty TNHH B** phải chịu 129.843.160 (một trăm hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn một trăm sáu mươi) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 73.769.737 (bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02559 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. **Công ty TNHH B** còn phải nộp 56.073.423 (năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi ba) đồng.

b. Án phí phúc thẩm:

Tổng công ty cổ phần B1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại **Tổng công ty cổ phần B1** số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 3.000.000 (ba triệu) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08200 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành